

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU THÁNG 9- 2024

STT	Nội dung thu	Số tiền	số ngày trong tháng	13-18T (không máy lạnh)	19-24T 25-36Th (Không Máy Lạnh)	Mầm 1,2 Tiên tiến hiện đại	Chồi 2	Chồi 1 , Chồi 3 (Không Máy lạnh)	Lá 1,2,3
I	Thu học phí								
	Nhà trẻ -			120.000	120.000				
	Mẫu giáo					100.000	100.000	100.000	-
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục								
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí								
	Nhà trẻ	500.000		500.000	500.000				
	Mẫu giáo	414.000				414.000	414.000	414.000	414.000
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	115.000		115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
3	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (phần kinh phí xã hội hóa theo Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/03/2021 của HĐND Thành phố)	130.000		130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000
4	Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	25.000		21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
5	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)	25.000		-	-	25.000	25.000	-	25.000
III	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác								
1	Tiền tổ chức lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, bơi (Nhịp điệu)	70000 Thu 1/2 tháng				35.000	35.000	35.000	35.000
2	Tiền tổ chức lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, bơi (Vẽ).	70000 thu 1/2 tháng				35.000	35.000	35.000	35.000
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ/ tháng	80000 thu 1/2 tháng				40.000	40.000	40.000	40.000
IV	Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến hội nhập quốc tế"								
1	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (giáo viên bản ngữ) .	400.000 thu 1/2 tháng				200.000			

STT	Nội dung thu	Số tiền	số ngày trong tháng	13-18T (không máy lạnh)	19-24T 25-36Th (Không Máy Lạnh)	Mâm 1,2 Tiên tiến hiện đại	Chôi 2	Chôi 1 , Chôi 3 (Không Máy lạnh)	Lá 1,2,3
2	Thể thao 10 môn phối hợp .	450,000 thu 1/2 tháng				450.000			
3	Cơ sở vật chất lớp tiên tiến hiện đại	380,000thu 1/2 tháng				380.000			
4	Hoạt động ngoại khóa (3-4 lần/1 năm)	170,000 /1 tháng				170.000			
IV	Các khoản thu cho cá nhân học sinh								
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	000 thu 2 kỳ; kỳ 1:115.000đ		115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
2	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu					-			-
2.1	Học phẩm	34.000			34.000	34.000	34.000	34.000	34.000
2.2	Học cụ - Học liệu								
2.2.1	Nhà trẻ	185.000			185.000	185.000			
2.2.2	Mẫu giáo	230.000					230.000	230.000	230.000
3	Tiền suất ăn trưa bán trú								
3.1	Nhà trẻ	27.000	18	486.000	486.000				
3.2	Mẫu giáo	32.000	18			576.000	576.000	576.000	576.000
4	Tiền suất ăn sáng	10.000	18	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
5	Tiền nước uống	15.000		15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
6	Tiền mua sắm đồ dùng phục vụ học sinh	90000/ 1 bộ		90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
	Cộng			1.772.000	1.991.000	3.310.000	2.155.000	2.130.000	2.055.000


 TRƯỜNG
 MẦM NON
 HOÀNG ANH
 CHỖ: *(Signature)*
 CÁI THỊ MỘNG TUYỀN